

Bản án số: 16/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 14 tháng 8 năm 2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và ông Hà Đức Trưởng;
- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình N – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tn, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30/7/2024.

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh ngày 14/10/1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Phùng Tiến D, sinh ngày 28/6/1991 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Khu C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/04/2024, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Thị

X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 11/11/2016, chị và anh **Phùng Tiến D** đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, cho chị được ly hôn với anh **D**.

Về con chung: Chị **Hoàng Thị X** xác nhận vợ chồng chưa có con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, chị **X** trình bày vợ chồng có 1 căn nhà ba gian đổ mái bằng xây trên diện tích đất của bố mẹ chồng từ năm 2017. Khi ly hôn chị yêu cầu chia tài sản là ngôi nhà nêu trên, nếu anh **D** sử dụng ngôi nhà thì phải thanh toán cho chị phần giá trị chênh lệch là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Ngày 31/5/2024 chị **X** có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

[2]. Về phía bị đơn anh Phùng Tiến D: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **D** không có mặt nên chưa có lời trình bày.

[3]. Tại bản tự khai ngày 01 tháng 07 năm 2024, ông Phùng Đức N1 là bố đẻ anh Phùng Tiến D trình bày:

Anh Dũng đang ở cùng với gia đình tại **Khu C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ**; anh **D** đã nhận được các văn bản tổng đạt của Tòa án, tuy nhiên bận công việc nên không thể có mặt theo yêu cầu.

Vợ chồng anh **D**, chị **X** có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng phát sinh một số mâu thuẫn. Nay chị **X** xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị **X** và anh **D** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **X** và anh **D** là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **X**. Về con chung: Chị **X** và anh **D** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Nguyên đơn có đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện liên quan đến việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 2, Điều 71, Điều 244 chấp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung của đương sự không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị **X** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị **X** có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn với anh **D**, căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **D**, tuy nhiên anh **D** cố ý vắng mặt, chị **X** có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh **D** vắng mặt không có lý do, chị **X** xin xét xử vắng

mặt, căn cứ vào, khoản 1, khoản 3, Điều 228, điểm a, b, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết hai quan hệ bao gồm: Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn. Tuy nhiên, ngày 31/5/2024, chị có đơn sửa đổi, rút phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, đồng thời phù hợp với Điều 5, khoản 2, Điều 71 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh D trước khi kết hôn có thời gian tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Ngày 11/11/2016, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Chị X đã chuyển về nhà mẹ đẻ để sinh sống, hai bên sống ly thân.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh D, chị X đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị X và anh D chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Do chị X rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, anh D vắng mặt nên chưa có quan điểm trình bày. Theo hướng dẫn tại tiết 7, mục IV của văn bản số: 01/2017/GĐ – TANDTC ngày 07/4/2017, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị X. Chị X, anh D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[6]. Về án phí: Chị X thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mặc dù đã được Tòa án hướng dẫn nhưng chị không làm hồ sơ đề nghị nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. **Về quyền kháng cáo:** Anh Dũng và chị X có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, Điều 244, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Hoàng Thị X được ly hôn với anh Phùng Tiến D.
- Về con chung:** Vợ chồng chưa có con chung nên không giải quyết trong vụ án này.
- Về Tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:**
 - Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung giữa chị Hoàng Thị X và anh Phùng Tiến D do chị X đã rút một phần yêu cầu khởi kiện; Chị X, anh D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ này trong một vụ, việc khác;
 - Về công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng, không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
- Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị X đã nộp 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0004542 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

5. **Về quyền kháng cáo:** Chị **X**, anh **D** có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tân Khải Nhân